**Mẫu 01/QĐKN-2**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ THUẾ CẤP TRÊN | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ THUẾ BAN HÀNH VĂN BẢN** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /QĐ-... | *..., ngày ... tháng ... năm ...* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc khoanh nợ tiền thuế đối với**

*...(số lượng người nộp thuế)...***người nộp thuế**

**CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC THUẾ/CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ/CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC HẢI QUAN/CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN/CỤC TRƯỞNG CỤC KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN**

*Căn cứ quy định* Luật quản lý thuế;

*Căn cứ*Nghị quyết số 94/2019/QH14*ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về khoanh nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ*Thông tư số 69/2020/TT-BTC*ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định hồ sơ và trình tự, thủ tục xử lý nợ theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội;*

*Căn cứ Quyết định số ... ngày ... của ... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn... của ...(cơ quan ban hành quyết định);*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng/Đội trưởng ...(1) và hồ sơ khoanh nợ kèm theo.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Khoanh nợ tiền thuế kể từ ngày 01/7/2020 đối với *....(số lượng người nộp thuế)...* người nộp thuế với tổng số nợ tiền thuế được khoanh là ..... đồng *(viết bằng chữ: .......)*, trong đó:

- Số doanh nghiệp, tổ chức là:... người nộp thuế với tổng số nợ tiền thuế là:... đồng;

- Số cá nhân, cá nhân kinh doanh, hộ gia đình, hộ kinh doanh là:...người nộp thuế với tổng số nợ tiền thuế là:...đồng.

*(Danh sách người nộp thuế được khoanh nợ tiền thuế kèm theo. Đối với các khoản nợ được khoanh nợ do cơ quan hải quan quản lý thì bổ sung thông tin số tờ khai hải quan, ngày đăng ký tờ khai hải quan)*

Lý do được khoanh nợ tiền thuế: (2)

Trưởng phòng/Đội trưởng ...(1) chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và các thông tin của hồ sơ đề nghị khoanh nợ.

**Điều 2.**Căn cứ vào số nợ tiền thuế được khoanh nợ nêu tại Điều 1 trên đây, Chi cục Thuế/Cục Thuế/Chi cục Hải quan/Cục Hải quan/Cục Kiểm tra sau thông quan ... điều chỉnh số nợ tiền thuế của người nộp thuế.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh văn phòng Cục Thuế/Cục Hải quan/Cục Kiểm tra sau thông quan... hoặc Trưởng bộ phận hành chính thuộc Chi cục Thuế/Chi cục Hải quan, Trưởng phòng/Đội trưởng ...(1), ...(*bộ phận có liên quan*)..., ...*(số lượng người nộp thuế)...* người nộp thuế có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 3;  - Trang thông tin điện tử của  Cục Thuế/Cục Hải quan/Tổng cục Hải quan;  - Cơ quan đăng ký  kinh doanh trên địa bàn (\*);  - .....;  - Lưu: VT, .... | **CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC THUẾ/CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ/CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC HẢI QUAN/CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN/CỤC TRƯỞNG CỤC KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN**  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

*Ghi chú:*

*(1) Trưởng phòng/Đội trưởng bộ phận quản lý nợ hoặc bộ phận được phân công xử lý nợ.*

*(2) Ghi người nộp thuế thuộc một trong các trường hợp được khoanh nợ tiền thuế như sau:*

1. *Người nộp thuế đã chết thuộc đối tượng được khoanh nợ tiền thuế quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14*
2. *Người nộp thuế được pháp luật coi là đã chết thuộc đối tượng được khoanh nợ tiền thuế quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14*
3. *Người nộp thuế được pháp luật coi là mất tích thuộc đối tượng được khoanh nợ tiền thuế quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14*
4. *Người nộp thuế được pháp luật coi là mất năng lực hành vi dân sự thuộc đối tượng được khoanh nợ tiền thuế quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14*
5. *Người nộp thuế thuộc đối tượng được khoanh nợ tiền thuế quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14*
6. *Người nộp thuế thuộc đối tượng được khoanh nợ tiền thuế quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14*
7. *Người nộp thuế thuộc đối tượng được khoanh nợ tiền thuế quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14*
8. *Người nộp thuế đã bị cơ quan quản lý thuế có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh/giấy phép thành lập và hoạt động/giấy phép hành nghề thuộc đối tượng được khoanh nợ tiền thuế quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14*
9. *Người nộp thuế đã bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh/giấy phép thành lập và hoạt động/giấy phép hành nghề theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế thuộc đối tượng được khoanh nợ tiền thuế quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14*

*(\*) Cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập và hoạt động hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề trên địa bàn.*